



MÀNG TỰ DÍNH HYPERBIT (AI CẬP)

Màng bitum biến tính tự dính SBS được gia cường polyester



GIẢI PHÁP CHỐNG THẤM

Hạng mục: **VỆ SINH & KHU VỰC ẤM ƯỚT**
Vật liệu chính: **MÀNG TỰ DÍNH HYPERBIT**

MÔ TẢ SẢN PHẨM

HYPERBITS™ APS là màng chống thấm bitum biến tính SBS gia cường sợi polyeste không dệt. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại. HYPERBITS™ APS có kích thước ổn định, cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt cao và các tính chất cơ lý tuyệt vời.

ỨNG DỤNG

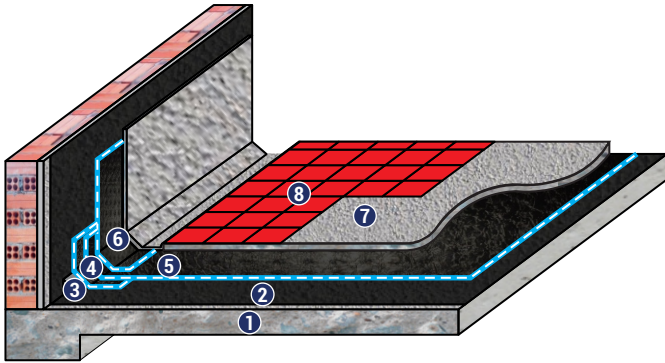
HYPERBITS™ APS được khuyến cáo sử dụng chống thấm cho sàn mái bê tông, mái tôn, mái fibro xi măng, ban công, phòng tắm, khu dùng nước, sàn tầng hầm, tường tầng hầm, đặc biệt là những vị trí không được phép sử dụng lửa do vậy không sử dụng được màng khò nóng và cho bề mặt đứng mà ở đó các loại khò nóng khó thi công. HYPERBITS™ APS thi công nhanh và an toàn, tiết kiệm thời gian.

ĐẶC TÍNH ƯU ĐIỂM

- Gia tăng cường độ bởi cốt sợi gia cường polyester
- Có thể được ứng dụng trên các chất liệu nơi mà thi công bằng biện pháp khò nóng tiêu chuẩn bị cấm sử dụng (gỗ, XPS...).
- Thi công nhanh.
- Thi công an toàn và giá thành rẻ
- Không cần gia nhiệt.
- Không cần bất cứ thiết bị và kĩ năng đặc biệt.
- Biện pháp thi công dán lạnh nên không phát thải khói, mùi và tiếng ồn.



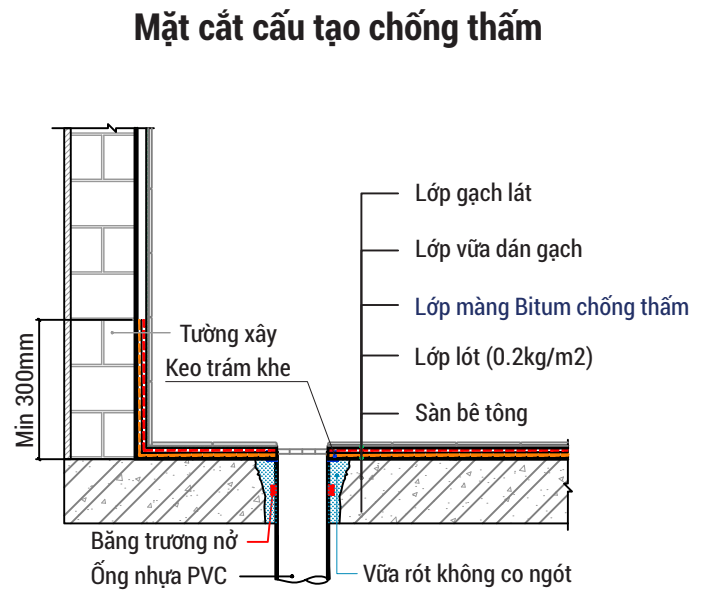
CẤU TẠO HỆ THỐNG



Các lớp thi công chống thấm

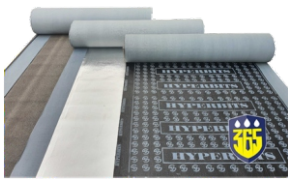
1. Sàn bê tông
2. Lớp lót (0.2kg/m²)
3. Vát góc (có hoặc không)
4. Gia cố góc bằng màng
5. Lớp chống thấm thứ 1
6. Vén chân tường bằng màng
7. Lớp vữa tạo dốc
8. Lớp gạch lát nền

Chi tiết cấu tạo chống thấm



DANH MỤC SẢN PHẨM

• Sản phẩm chính



Màng tự dính Hyperbit

• Sản phẩm phụ



Keo trám khe
Neotex PU Joint



Băng trương nở



Vữa rót



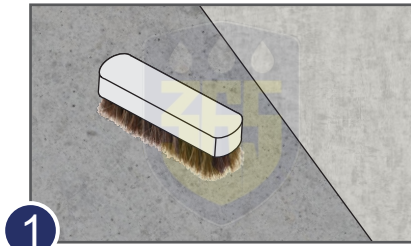
Lớp lót Nirol - w

• Thông số kỹ thuật

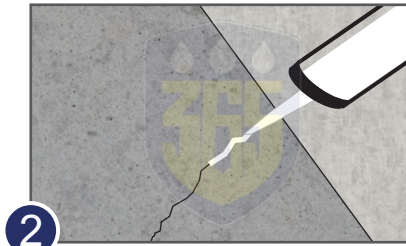
Chỉ tiêu		Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
Cường độ kéo (cực đại)	theo chiều dọc	N/5cm	700 ± 20%	EN 12311-1
	theo chiều ngang	N/5cm	500 ± 20%	EN 12311-1
Độ giãn dài khi đứt	theo chiều dọc	%	≥ 2,5	EN 12311-1
	theo chiều ngang	%	≥ 2,5	EN 12311-1
Độ mềm dẻo ở nhiệt độ thấp		°C	0 ÷ 2	EN 1109
Điểm chảy mềm (R&B)		°C	≥ 150	ASTM D-36
Độ bền chịu tải trọng tĩnh		Kg	≥ 5	EN 12730
Độ bền chịu va đập		mm	≥ 900	EN 12691
Kháng cháy ở nhiệt độ cao		°C	120 ± 10	EN 1110
Độ chống cháy bên ngoài		-	F roof	EN 13501-5



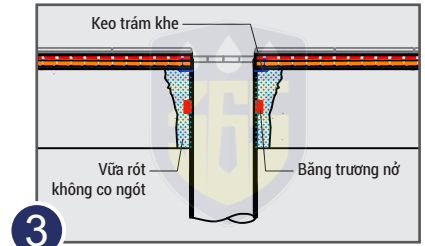
HƯỚNG DẪN THI CÔNG



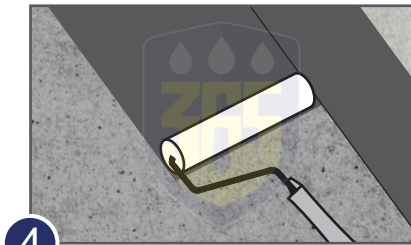
1. **Mài bề mặt** loại bỏ những thành phần lỏng lẻo, đảm bảo bề mặt không có muối hoặc chất dầu



2. **Xử lý các vết nứt** bằng keo chuyên dụng đối với vết nứt rộng > 2mm xử lý bằng vải không dệt đối với vết nứt rộng < 2mm



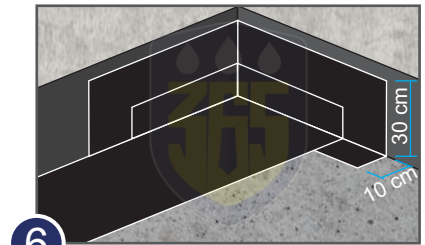
3. **Xử lý cổ ống** bằng vữa rót không co ngót, keo trám khe và băng trương nở



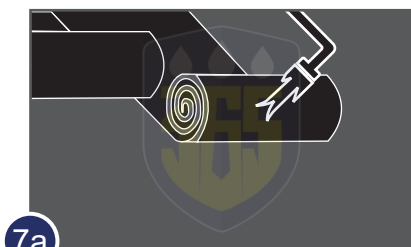
4. **Thi công lớp lót** định mức 0.2kg/m²



5. **Chờ lớp thứ 1** khô sau khoảng 2-3 giờ tùy theo điều kiện thời tiết



6. **Thi công gia cố góc** chân tường



7a. **Thi công màng khô nóng**



7b. **Thi công màng tự dính**



8. **Hơ nóng bay thép** để xử lý các vị trí chõng mép 10cm khi thi công màng tự dính và khô nóng

** Lưu ý:

- Tại vị trí chõng mép biên độ chõng mép từ 7cm đến 10cm, dùng bay thi công miết mạnh để làm kín phần tiếp giáp.
- Các vị trí yếu phải gia cố: Thao tác này kéo dài chất lượng bám dính và tuổi thọ màng. Vì vậy chú trọng gia cố các điểm yếu như: góc tường, khe co giãn, cổ ống.
- Nếu có hiện tượng bong bóng khí xuất hiện làm phồng rộp màng sau khi thi công, đâm thủng khu vực đó bằng vật sắc nhọn cho thoát hết khí sau đó dán đè tấm khác lên với biên độ chõng mép là 50mm.
- Sau khi thi công hệ thống màng chống thấm, lập tức phải làm lớp bảo vệ, tránh làm rách, hỏng màng do lưu thông, vận chuyển dụng cụ, thiết bị, đặt thép.
- Thi công lớp bảo vệ trong thời gian sớm nhất có thể. Nếu để lâu, màng sẽ bị bong rộp khỏi bề mặt dán do sự co giãn dưới tác động thay đổi nhiệt độ.